

Bản án số: **57/2024/DS - ST**

Ngày: 28/5/2024

V/v tranh chấp: **Hợp đồng tín dụng**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Lư Thành Danh**.

2/ Ông **Nguyễn Thanh Tùng**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cái Răng tham gia phiên tòa: Ông **Lê Văn Quốc** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2024 về “**tranh chấp hợp đồng tín dụng**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: **142/2024/QĐXX-ST ngày 10 tháng 5 năm 2024**. Giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Ngân hàng TMCP S G T T**

Địa chỉ: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng giám đốc (BL30)

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đào Trung Hải**; ông **Lê Minh Nghiệp**

Địa chỉ: Số 415-418, Quốc lộ 1A, khu vực Yên Hạ, phường Lê Bình, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.

(Giấy ủy quyền số 06/2023/GUQ-PGD ngày 24/8/2023 – BL 31) (có mặt)

- Bị đơn: Bà **Trần Thị Tuyết N**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số 39/12, khu vực Y T, phường L B, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ.
(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2023 nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S G T T** trình bày:

Ngân hàng TMCP S G T T với bà Trần Thị Tuyết N có ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1988939 ngày 22/4/2022 để cấp cho bà N thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng 30.000.000 đồng. Theo đó, thỏa thuận ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 10 hàng tháng, lãi suất là 31,2%/năm, mục đích vay: tiêu dùng cá nhân.

Trong quá trình sử dụng thẻ, bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 69.521.500 đồng, thanh toán được 45.640.000 đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên từ ngày 14/3/2023, ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Mặc dù qua nhiều lần nhắc nhở và làm việc nhưng bị đơn vẫn không có thiện chí trả nợ.

Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ của hợp đồng tín dụng này là **38.570.319** đồng, trong đó nợ gốc là 33.437.235 đồng, lãi quá hạn là 5.133.084 đồng tính đến ngày 31/7/2023 và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần bị đơn Trần Thị Tuyết N đến tham gia phiên họp về việc kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cụ thể vào các ngày 16/02/2024 và ngày 08/3/2024, nhưng bà N vắng mặt mà không có lý do. Vì vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả số nợ gốc là 33.437.235 đồng (Ba mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng), tổng nợ lãi đến ngày 28/5/2024 là 19.098.772 đồng (Mười chín triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng), trong đó lãi trong hạn là 12.732.515 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm mười lăm đồng), lãi quá hạn là 6.366.257 đồng (Sáu triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng) và lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn Trần Thị Tuyết N tiếp tục vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

- **Về việc tuân theo pháp luật tố tụng** của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: là phù hợp quy định pháp luật, chưa có vi phạm.

- **Về nội dung giải quyết vụ án:** Căn cứ vào lời trình bày tại phiên tòa hôm nay của phía nguyên đơn và các chứng cứ khác đã được thu thập hợp pháp trong hồ sơ, xác định yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nội dung cụ thể được trình bày tại Bài phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa (kèm theo hồ sơ).

Sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Việc vay tiền giữa các đương sự được thỏa thuận và giao kết bằng Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1988939 ngày 22/4/2022, mục đích vay tiền là để tiêu dùng cá nhân. Trong đó bên vay có nghĩa vụ trả cho bên cho vay vốn gốc và lãi suất theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Do bên vay không thực hiện đúng thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp. Xét đây là quan hệ tranh chấp Hợp đồng tín dụng được ngành luật dân sự điều chỉnh (do bên vay không có mục đích kinh doanh) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà Trần Thị Tuyết N đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bà N vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* căn cứ Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1988939 ngày 22/4/2022 giữa Ngân hàng TMCP S G T T với bà Trần Thị Tuyết N do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký của cả hai bên (BL 17-20), theo đó hạn mức tín dụng bà N được cấp là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), thỏa thuận ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 10 hàng tháng. Căn cứ các bản Tóm tắt sao kê do nguyên đơn cung cấp (BL 45, 79-80, 101, 111) thì bị đơn đã thực hiện giao dịch với tổng số tiền 69.521.500 đồng, thanh toán được 45.640.000 đồng. Đến ngày 10/3/2023 bị đơn không còn thực hiện giao dịch nào thêm và số nợ tính đến cuối kỳ 10/4/2023 là 33.437.235 đồng.

[4] Bị đơn đã được nhận tiền vay nhưng lại không chịu thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn và lãi theo Hợp đồng, cố tình né tránh nghĩa vụ trả nợ. Theo xác nhận của Công an phường Lê Bình ngày 19/9/2023 (BL 54-55) thì đương sự Trần Thị Tuyết N có đăng ký thường trú tại địa phương nhưng bà N không còn sinh sống tại địa chỉ trên từ năm 2021 đến nay, không báo với địa phương cũng như bên cho vay biết. Thậm chí nguyên đơn đã thực hiện việc Thông báo tìm kiếm trên các phương tiện thông tin đại chúng nhưng bà N vẫn không liên hệ giải quyết vụ kiện, thái độ xem thường pháp luật. Coi như bị đơn đã tự tước bỏ quyền tham gia tố tụng của mình và mặc nhiên chấp nhận toàn bộ lời trình bày của phía nguyên đơn. Nên **số nợ gốc** mà bị đơn còn phải thanh toán cho Ngân hàng **33.437.235 đồng** (Ba mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng) là có căn cứ.

[5] Về lãi suất: nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn phải trả lãi suất theo Hợp đồng đã thỏa thuận là 19.098.772 đồng (Mười chín triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng). Căn cứ vào nội dung của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1988939 ngày 22/4/2022 thì đây là Hợp đồng tín dụng không xác định thời hạn, ngày chốt thông báo giao dịch là ngày 10 hàng tháng, lãi suất là 31,2%/năm. Do đó, yêu cầu tiền lãi của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Bởi lẽ theo qui định của pháp luật và cả thỏa thuận trong Hợp đồng nếu bên vay không trả lãi đúng hạn thì số dư nợ gốc sẽ bị chuyển thành nợ quá hạn và phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn theo điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng (BL 94 -100). Và căn cứ vào bảng tóm tắt sao kê đến ngày 28/5/2024 (BL 111) của nguyên đơn cung cấp thì nợ lãi trong hạn là 12.732.515 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm ba mươi hai nghìn, năm trăm mười lăm đồng), lãi quá hạn là 6.366.257 đồng (Sáu triệu, ba trăm sáu mươi sáu nghìn, hai trăm năm mươi bảy đồng)). Nên tổng lãi mà phía bị đơn phải thanh toán là **19.098.772 đồng** (Mười chín triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng).

[6] Từ các phân tích trên, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả nợ gốc và lãi là hoàn toàn có cơ sở theo qui định tại Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng và được pháp luật bảo vệ. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét chấp nhận.

[7] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh.

[8] Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: Số tiền là 3.276.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) theo Hóa đơn GTGT số 354 ngày 30/11/2023 và số 186 ngày 04/12/2023, do nguyên đơn đã tạm ứng (BL 5-6) và tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện là 5% (33.437.235 đồng + 19.098.772 đồng) = 2.626.800 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp theo qui định.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 147, **227**, 228, 264, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;
- Điều 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng;
- Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Ngân hàng TMCP S G T T**. Buộc bị đơn bà **Trần Thị Tuyết N** có nghĩa vụ trả cho **Ngân hàng TMCP S G T T** số tiền là **52.536.007 đồng** (Năm mươi hai triệu, năm trăm ba mươi sáu nghìn, không trăm lẻ bảy đồng), trong đó nợ gốc là **33.437.235 đồng** (Ba mươi ba triệu, bốn trăm ba mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi lăm đồng) và nợ lãi đến ngày 28/5/2024 là **19.098.772 đồng** (Mười chín triệu, không trăm chín mươi tám nghìn, bảy trăm bảy mươi hai đồng) khi án có hiệu lực *và lãi phát sinh từ ngày 29/5/2024 theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng số 1988939 ngày 22/4/2022 cho đến khi trả dứt nợ.*

2/ Về chi phí thông báo nhắc tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng: ghi nhận nguyên đơn tự nguyện chịu số tiền 3.276.000 đồng (Ba triệu hai trăm bảy mươi sáu nghìn đồng) đã thực hiện xong.

3/ Nguyên đơn Ngân hàng TMCP S G T T được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 965.000 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0003205 ngày 18 tháng 01 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết N phải chịu 2.626.800 đồng (Hai triệu, sáu trăm hai mươi sáu nghìn, tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với Ngân hàng TMCP S G T T; kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND P. Lê Bình, Q. Cái Răng đối với bà Trần Thị Tuyết N thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận

- TAND. TP/ Cần Thơ.
- VKSND.Q.Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Thái Mỹ Nhung

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thái Mỹ Nhung